

Số: *1528*/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *10* tháng *10* năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp
tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022-2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025”;

Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”;

Căn cứ Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Thái Nguyên thông qua Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 3483/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 707/TTr-SLĐTBXH ngày 16/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022-2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Bộ Lao động - TB&XH (b/c);
 - Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
 - Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
 - Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
 - Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
 - Trung tâm Thông tin tỉnh;
 - Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, KGVX.
- Hatt/QĐ.T10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Tiến



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Phát triển giáo dục nghề nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022-2025

(Kèm theo Quyết định số 2028/QĐ-UBND ngày 20 /10/2022 của UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân về vai trò, vị trí của giáo dục nghề nghiệp phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Tạo bước chuyển biến cơ bản, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp gắn với nhu cầu thị trường lao động.

b) Định hướng cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh về công tác tuyển sinh, đào tạo trong giai đoạn 2022-2025; có kế hoạch đầu tư, chuẩn bị các điều kiện đảm bảo đáp ứng cơ bản về số lượng, chất lượng, cơ cấu ngành nghề, trình độ đào tạo phù hợp, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động; chất lượng đào tạo một số ngành nghề đạt cấp độ quốc gia, cấp độ khu vực ASEAN và cấp độ quốc tế.

2. Yêu cầu

a) Phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, đa dạng, linh hoạt với nhiều phương thức và trình độ đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu học tập và nâng cấp kỹ năng nghề nghiệp của người lao động. Phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp cần sự tham gia của nhà nước; ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho giáo dục nghề nghiệp.

b) Tiếp tục đổi mới, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về số lượng tuyển sinh, chất lượng đào tạo và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp nhằm bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực qua đào tạo cho thị trường lao động, góp phần nâng cao năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

c) Gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với nhu cầu của thị trường lao động và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Chú trọng đào tạo thường xuyên, đào tạo cập nhật, đào tạo lại và đào tạo tại doanh nghiệp để phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực của doanh nghiệp, duy trì việc làm bền vững cho người lao động.

II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2025

1. Mục tiêu chung

Đến năm 2025 bảo đảm quy mô, cơ cấu ngành, nghề đào tạo phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc tỉnh, trong đó một số nghề tiếp cận trình độ cấp quốc gia và các nước ASEAN-4; góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 32%.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

a) Phần đầu thu hút 40% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và 45% học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp; học sinh, sinh viên nữ đạt trên 30% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh mới;

b) Đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho 25% lực lượng lao động;

c) Tỷ lệ lao động là người dân tộc thiểu số qua đào tạo nghề nghiệp đạt 45%; củng cố, nâng cao năng lực đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp chuyên biệt để đào tạo cho người dân tộc thiểu số học nội trú;

d) Tỷ lệ lao động là người khuyết tật còn khả năng lao động được học nghề phù hợp đạt 35%;

đ) Tỷ lệ lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin đạt 80%;

e) Ít nhất 30% cơ sở giáo dục nghề nghiệp và 50% chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng;

g) Phần đầu 100% nhà giáo đạt chuẩn; 80% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại. Phần đầu 80% ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia;

h) Phần đầu 01 trường cao đẳng của tỉnh đạt chất lượng cao, trong đó có những ngành, nghề trọng điểm và có năng lực cạnh tranh.

III. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp

a) Tiếp tục xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi, thu hút các nhà đầu tư doanh nghiệp, người sử dụng lao động tích cực tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề, chú trọng đào tạo nghề cho người lao động tại nơi làm việc.

b) Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm thu hút, tuyển dụng cán bộ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp; chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý về giáo dục nghề nghiệp ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số đồng thời bảo đảm yếu tố bình đẳng giới.

c) Thực hiện cơ chế, chính sách tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh đối với nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề trong giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm yếu tố bình đẳng giới. Khuyến khích thu hút, đào tạo, bồi dưỡng nhà khoa học, cán bộ kỹ thuật, nghệ nhân, người có kỹ năng nghề cao và kinh nghiệm thực tiễn nghề nghiệp tham gia đào tạo nghề.

d) Xây dựng chính sách thu hút người học các trình độ giáo dục nghề nghiệp thuộc lĩnh vực, ngành, nghề trọng điểm, ngành nghề ưu tiên đào tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; chính sách đối với người học thuộc các đối tượng đặc thù như: Người thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; người dân tộc thiểu số và miền núi; người khuyết tật; người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp; lao động nông thôn; người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp; thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; lao động nữ bị mất việc làm; người chấp hành xong án phạt tù; người sau cai nghiện ma túy; người lao động theo nhu cầu của nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh; chính sách về bình đẳng giới trong giáo dục nghề nghiệp; chính sách hỗ trợ vay vốn khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên và người lao động qua đào tạo nghề nghiệp.

đ) Sắp xếp, tổ chức mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, dễ tiếp cận, đa dạng về loại hình, hình thức; phân bổ hợp lý về cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ, đủ năng lực đáp ứng nhu cầu nhân lực qua đào tạo nghề nhất là nhân lực chất lượng cao. Khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, có vốn đầu tư nước ngoài, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong doanh nghiệp; tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp ở những địa bàn, ngành, nghề phù hợp.

e) Đẩy mạnh phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp và từng bước phổ cập nghề cho thanh niên. Nâng cao nhận thức về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông. Huy động nguồn lực xã hội tham gia giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh phổ thông; tăng cường phối hợp giữa cơ sở giáo dục phổ thông với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhằm khai thác, sử dụng các điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ cho giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông.

g) Nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính tự chủ gắn với trách nhiệm, vai trò người đứng đầu trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ quan quản lý các cấp. Đổi mới công tác thanh tra, kiểm định, đánh giá và công nhận chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo khung bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp quốc gia; chương trình đào tạo thuộc các lĩnh vực, ngành, nghề đặc thù.

2. Đẩy nhanh chuyển đổi số, hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị và đổi mới chương trình, phương thức đào tạo

a) Tăng cường các hoạt động nâng cao nhận thức năng lực chuyển đổi số của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

b) Phát triển đồng bộ hạ tầng số bao gồm hạ tầng dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở cấp tỉnh, địa phương và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp cấp tỉnh đồng bộ với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác góp phần hình thành cơ sở dữ liệu mở quốc gia; ứng dụng hiệu quả các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung và hỗ trợ dạy học trực tuyến các cấp độ trong giáo dục nghề nghiệp.

c) Xây dựng và phát triển kho học liệu số ở tất cả các trình độ, ngành nghề đào tạo, dùng chung toàn ngành và liên kết với quốc gia, quốc tế. Đầu tư nâng cấp các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành ảo, thiết bị ảo, thiết bị tăng cường ở những ngành, nghề phù hợp.

d) Tăng cường đầu tư, hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp phù hợp với công nghệ sản xuất của doanh nghiệp, định hướng phân tầng chất lượng và đặc thù các ngành, nghề đào tạo.

đ) Tăng cường gắn kết hoạt động đào tạo nghề nghiệp với doanh nghiệp để khai thác, sử dụng thiết bị đào tạo tại doanh nghiệp. Hướng ứng có hiệu quả mô hình “nhà trường thông minh, hiện đại”, “nhà trường xanh”.

e) Phát triển chương trình đào tạo theo hướng mở, linh hoạt, liên thông dựa trên mô đun, tín chỉ và các quy đổi tương đương, đáp ứng chuẩn đầu ra và khối lượng học tập tối thiểu theo quy định của nhà nước. Tích cực triển khai chương trình đào tạo các ngành nghề mới, ngành nghề công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ mới, kỹ năng tương lai và các chương trình đào tạo cho người lao động trong các doanh nghiệp theo hình thức vừa làm vừa học.

g) Khuyến khích, tạo điều kiện phát triển các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, các chương trình đào tạo cho người nước ngoài tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh.

h) Đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo với sự ứng dụng mạnh mẽ của công nghệ thông tin. Phát triển mạnh học nghề tại nơi làm việc; chú trọng đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho người lao động, đào tạo cho lao động di cư. Đẩy mạnh triển khai liên kết nhà trường và doanh nghiệp.

i) Đổi mới phương thức đào tạo, gắn lý thuyết với thực hành, đào tạo tại các cơ sở sản xuất; ứng dụng công nghệ thông tin đào tạo từ xa, áp dụng giáo cụ trực quan sinh động; xây dựng các chương trình, giáo trình mới, nâng cao năng suất lao động, chất lượng và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông sản, sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

k) Tham gia các hoạt động thí điểm, triển khai một số mô hình đào tạo mới, nhất là đào tạo những ngành, nghề đáp ứng yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nền kinh tế số và phát triển bền vững, bao trùm trong giáo dục nghề nghiệp. Tiếp nhận các chương trình đào tạo tiên tiến được chuyển giao từ nước ngoài.

l) Đổi mới, đa dạng phương thức kiểm tra, đánh giá, công nhận kỹ năng, trình độ của người học, người lao động đã tích lũy từ học tập và kinh nghiệm làm việc thực tế có sự tham gia của người sử dụng lao động.

m) Triển khai chương trình giáo dục toàn diện, chú trọng đến phát triển phẩm chất, bình đẳng giới, hình thành các kỹ năng cốt lõi, kỹ năng mềm, kỹ năng số, trình độ ngoại ngữ và cá thể hóa người học.

n) Tận dụng công nghệ số để gia tăng khả năng tiếp cận giáo dục nghề nghiệp cho đối tượng, người dân ở vùng khó khăn.

3. Phát triển đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề và cán bộ quản lý trong giáo dục nghề nghiệp

a) Xây dựng và triển khai kế hoạch hằng năm về đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm cho nhà giáo.

b) Đổi mới, nâng cao chất lượng, đa dạng hoá các chương trình, phương thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho nhà giáo.

c) Triển khai thực hiện công nhận kỹ năng, trình độ đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ ở ngành nghề khác chuyển sang làm giáo viên, giảng viên.

d) Phát triển đội ngũ nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề đủ năng lực tham gia đào tạo các cấp trình độ của giáo dục nghề nghiệp.

đ) Triển khai hiệu quả mạng lưới kết nối đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia và người dạy nghề trong giáo dục nghề nghiệp.

e) Chuẩn hóa cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng chú trọng kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số.

g) Định kỳ, thường xuyên cử cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp các cấp được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo tại doanh nghiệp.

h) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, đổi mới phương pháp dạy và học phù hợp để triển khai đào tạo trên môi trường số.

4. Gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và thị trường lao động

a) Triển khai cơ chế hợp tác giữa Nhà nước, nhà trường, nhà doanh nghiệp, người sử dụng lao động, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp trong các hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở hài hòa lợi ích và trách nhiệm xã hội.

b) Triển khai thực hiện các mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất - kinh doanh, các trung tâm dịch vụ việc làm và thị trường lao động phù hợp với từng nhóm đối tượng, trong đó chú trọng đối tượng đặc thù, lao động từ khu vực phi chính thức, lao động bị thất nghiệp hoặc có nguy cơ thất nghiệp.

c) Đẩy mạnh hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp, người sử dụng lao động thông qua nâng cao năng lực thu thập, cập nhật và tổng hợp dữ liệu, thông tin về cung, cầu đào tạo nghề nghiệp.

d) Đẩy mạnh dự báo nhu cầu đào tạo nghề nghiệp, đặc biệt là các ngành nghề khoa học - kỹ thuật - công nghệ, ưu tiên cho công nghệ thông tin, công nghệ mới, công nghệ cao, các kỹ năng tương lai. Khai thác hiệu quả dữ liệu, thông tin thị trường lao động quốc gia kết hợp với điều tra định kỳ hoặc đột xuất về nhu cầu lao động, nhu cầu kỹ năng, nhu cầu đào tạo của doanh nghiệp, người sử dụng lao động và phản hồi của người tốt nghiệp phục vụ quản lý và đào tạo.

đ) Tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các trung tâm dịch vụ việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm, trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hỗ trợ người học tìm việc làm sau tốt nghiệp; gắn kết đào tạo với việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; định kỳ hàng năm tổ chức có hiệu quả các hoạt động gắn kết về đào tạo nghề nghiệp - việc làm giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp.

e) Đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực của tỉnh đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và đào tạo lại để chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động đang làm việc trong những ngành nghề bị tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động, có ngành nghề lao động giản đơn.

g) Thúc đẩy mạnh mẽ phong trào thi kỹ năng nghề ở cấp tỉnh, cấp cơ sở, tham gia có chất lượng các kỳ thi kỹ năng nghề cấp quốc gia.

5. Nghiên cứu ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ; hướng nghiệp, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo

a) Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp và các tổ chức khoa học - công nghệ về giáo dục nghề nghiệp đặc biệt là đơn vị nghiên cứu phục vụ quản lý nhà nước. Hình thành trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao.

b) Tăng cường nghiên cứu khoa học giáo dục nghề nghiệp theo hướng ứng dụng và chuyển giao công nghệ với sự tham gia của người học, nhà giáo, chuyên gia, nghệ nhân, người sử dụng lao động. Gắn hoạt động đào tạo với chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Đẩy mạnh thực hiện nghiên cứu khoa học theo cơ chế đặt hàng; gắn kết các tổ chức nghiên cứu khoa học với cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp.

c) Đẩy mạnh hướng nghiệp trước, trong và sau đào tạo nghề nghiệp; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cho người học và các hoạt động hỗ trợ người học khởi nghiệp, tự tạo việc làm; tham gia tích cực không gian khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và hệ sinh thái khởi nghiệp giáo dục nghề nghiệp; đưa nội dung hướng nghiệp, khởi nghiệp vào chương trình đào tạo nghề nghiệp của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

6. Tăng cường huy động và nâng cao hiệu quả đầu tư tài chính cho giáo dục nghề nghiệp

a) Bố trí tăng ngân sách nhà nước cho giáo dục nghề nghiệp hằng năm. Lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện công tác đào tạo nghề trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển ngành, lĩnh vực của tỉnh.

b) Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích khu vực tư nhân tham gia giáo dục nghề nghiệp. Thúc đẩy sự hỗ trợ, tài trợ của các tổ chức quốc tế đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp.

c) Đẩy mạnh tự chủ đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập. Tăng cường nguồn thu sự nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động liên doanh liên kết và cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.

d) Nâng cao hiệu quả sử dụng Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp, nguồn tài chính công đoàn, nguồn tài chính của các tổ chức chính trị - xã hội, các quỹ hợp pháp khác để đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng kỹ năng cho người lao động.

đ) Ưu tiên đầu tư cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao; cơ sở giáo dục nghề nghiệp chuyên biệt đào tạo cho người dân tộc thiểu số.

e) Ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của tỉnh để tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng, nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng chính sách và các đối tượng đặc thù khi sử dụng dịch vụ giáo dục nghề nghiệp; triển khai thực hiện cơ chế Nhà nước đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

7. Truyền thông, nâng cao hình ảnh, thương hiệu và giá trị xã hội của giáo dục nghề nghiệp

a) Tích cực hưởng ứng, tham gia hệ sinh thái truyền thông giáo dục nghề nghiệp với sự tham gia của hệ thống chính trị, chính quyền các cấp, cơ sở đào tạo, người học, người sử dụng lao động và cộng đồng xã hội nhằm nâng cao nhận thức của xã hội về vị trí, vai trò của giáo dục nghề nghiệp, tầm quan trọng của kỹ năng lao động và cơ hội có việc làm, thu nhập ổn định sau đào tạo nghề nghiệp.

b) Đa dạng hóa các hoạt động truyền thông và hình thức triển khai, xây dựng chuyên trang, chuyên mục về giáo dục nghề nghiệp, phát thanh tại khu vực nông thôn, bảo đảm thông tin tin cậy, đầy đủ, kịp thời, phù hợp với từng nhóm đối tượng về hình ảnh, vị thế, thông điệp quốc gia về giáo dục nghề nghiệp, ngày kỹ năng lao động Việt Nam, tuần lễ kỹ năng nghề...

c) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tư vấn về giáo dục nghề nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp, nâng cao năng lực cho các cán bộ truyền thông trong cơ quan quản lý nhà nước và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

d) Tổ chức và tham gia các chương trình, sự kiện, cuộc thi, giải thưởng, danh hiệu nhằm tôn vinh người học, nhà giáo, người dạy nghề, cán bộ quản lý, người sử dụng lao động, lao động có kỹ năng, các tổ chức có nhiều thành tích, đóng góp cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề. Nhân rộng, chia sẻ các mô hình đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp thành công trong giáo dục nghề nghiệp.

đ) Định hướng các thông tin trên mạng xã hội về giáo dục nghề nghiệp bảo đảm thống nhất, tạo môi trường số kết nối, chia sẻ giữa cơ quan quản lý, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đơn vị sử dụng lao động, gia đình, nhà giáo, người học.

8. Đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực

a) Đánh giá, xác định nhu cầu đào tạo, đào tạo lại để chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động; xác định danh mục các ngành, nghề cần đào tạo, đào tạo lại trên địa bàn tỉnh.

b) Triển khai học liệu dùng chung cho các chương trình đào tạo để chia sẻ giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp gắn với thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp, xây dựng thư viện điện tử, hệ thống đào tạo trực tuyến tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham gia đào tạo, đào tạo lại.

c) Triển khai các chương trình đào tạo, đào tạo lại theo hướng bổ sung các kiến thức, kỹ năng thiếu hụt cho nguồn nhân lực; đào tạo bổ sung những kiến thức, kỹ năng mới trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên; xây dựng định mức, kinh tế - kỹ thuật đối với ngành, nghề đào tạo mới; thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc doanh nghiệp để đào tạo, đào tạo lại trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo khác theo quy định.

d) Nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp và người dạy trong doanh nghiệp.

đ) Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời cơ chế, chính sách về giáo dục nghề nghiệp cho người lao động; thực hiện đào tạo nghề nghiệp cho người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp, người khuyết tật, lao động nông thôn, lao động nữ và các đối tượng đặc thù khác; triển khai các chương trình mục tiêu, đề án, dự án do Trung ương ban hành phù hợp với yêu cầu thực tiễn của tỉnh. Tăng cường đào tạo các kỹ năng công nghệ thông tin cho người lao động.

e) Triển khai thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo kỹ năng, tay nghề ngắn hạn cho học sinh, sinh viên, người lao động nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề của thị trường lao động; xây dựng lộ trình phát triển nhân lực thích ứng với bối cảnh tái cấu trúc nền kinh tế và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; tăng cường hợp tác trên cơ sở hài hòa lợi ích, cùng có trách nhiệm xây dựng mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp để thúc đẩy người sử dụng lao động phát triển nhân lực có kỹ năng, thích ứng với yêu cầu của thị trường lao động.

9. Tăng cường thực hiện kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Tăng cường nhận thức cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, đội ngũ nhà giáo và người học về công tác kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

b) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để cộng đồng xã hội hiểu và cùng hỗ trợ, tham gia thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ động sáng tạo trong công tác tuyên truyền thông qua các diễn đàn và các phương tiện truyền thông khác, phổ biến kiến thức và các kết quả đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp đã đạt được, để tạo điều kiện cho xã hội biết và tham gia giám sát chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

c) Tổ chức bồi dưỡng đội ngũ làm công tác kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp để đảm bảo đủ năng lực tư vấn, giúp đỡ cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong các hoạt động tự đánh giá, đánh giá ngoài.

d) Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ động tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo còn thiếu và các tiêu chí để hoàn thiện đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

đ) Tăng cường thực hiện các giải pháp để đạt mục tiêu có 01 trường cao đẳng của tỉnh đạt các tiêu chí theo quy định để trở thành trường cao đẳng chất lượng cao vào năm 2025 (về quy mô đào tạo, trình độ đào tạo, gắn kết với doanh nghiệp trong đào tạo và việc làm sau đào tạo, quản trị nhà trường và trình độ học sinh, sinh viên sau đào tạo).

e) Nâng cao năng lực đào tạo của Trường Trung cấp Dân tộc nội trú tỉnh Thái Nguyên để đào tạo nghề chuyên biệt cho đối tượng là người dân tộc thiểu số và các đối tượng đặc thù khác.

10. Nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế về giáo dục nghề nghiệp

a) Mở rộng, nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức quốc tế, các tỉnh bạn ở nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; đẩy mạnh đàm phán, ký kết, triển khai các thỏa thuận, chương trình hợp tác với đối tác nước ngoài, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đang hoạt động trên địa bàn tỉnh trong việc hỗ trợ cơ sở giáo dục nghề nghiệp, học sinh, sinh viên nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

b) Tích cực tham gia các cuộc thi, tổ chức, diễn đàn, hiệp hội có yếu tố nước ngoài về giáo dục nghề nghiệp; các hoạt động giao lưu văn hóa, thể dục thể thao giữa học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong nước, khu vực và quốc tế.

c) Tăng cường hợp tác và huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn viện trợ phi Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; tích cực hợp tác giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài, đặc biệt trong việc tiếp nhận chuyển giao chương trình, giáo trình, học liệu, phương pháp giảng dạy và học tập; trao đổi giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên, chuyên gia quốc tế.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm:

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp hằng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

- Nguồn vốn lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình, kế hoạch, dự án khác.

- Nguồn thu từ học phí, thu từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hoạt động liên doanh, liên kết; cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.

- Huy động của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn thu, quỹ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hằng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch, các sở, ngành, đơn vị lập dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch, tổng hợp chung vào dự toán của sở, ngành, đơn vị, gửi Sở Tài chính thẩm định. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính trình cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và cơ quan có liên quan cụ thể hóa trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hằng năm và giai đoạn 2022-2025; tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách về giáo dục nghề nghiệp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện.

- Tích cực, chủ động phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan thực hiện các Kế hoạch của UBND tỉnh, cụ thể: Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 24/5/2019 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/3/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh về đào tạo lao động; Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 14/8/2020 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 05/05/2021 truyền thông về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 14/12/2021 thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030; Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 18/4/2022 triển khai thực hiện Chương trình “Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022-2027”.

- Phối hợp với cơ quan thường trực của các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 xây dựng, triển khai thực hiện các dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, các hoạt động và nội dung liên quan đến giáo dục nghề nghiệp đảm bảo đồng bộ, có hiệu quả (Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững).

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan nghiên cứu tham mưu, xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng; giá dịch vụ đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng để thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu xây dựng chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp chất lượng cao (trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng) và hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo thường xuyên cho các đối tượng đặc thù (người thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; người dân tộc thiểu số; người khuyết tật; người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo; lao động nông thôn; người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp; thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; lao động nữ bị mất việc làm; người chấp hành xong án phạt tù; người sau cai nghiện ma túy; người lao động theo nhu cầu của nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh).

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá việc triển khai Kế hoạch; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành liên quan tích cực triển khai Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025”. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền để các cấp, các ngành và toàn xã hội nâng cao nhận thức về trách nhiệm và tầm quan trọng của việc phân luồng học sinh sau THCS và THPT vào học nghề.

- Thực hiện tốt công tác hướng nghiệp trong các trường phổ thông nhằm định hướng cho học sinh về việc chọn nghề, đồng thời giúp các bậc phụ huynh và học sinh nhận thức rõ, đúng đắn hơn việc học nghề, đảm bảo cơ cấu hợp lý nguồn nhân lực xã hội; nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông.

- Hướng dẫn thực hiện cơ chế liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp với các cấp học khác trong hệ thống giáo dục quốc dân.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì bố trí phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về đầu tư công (nếu có).

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan tăng cường thu hút đầu tư (trong và ngoài nước) cho giáo dục nghề nghiệp, huy động và cân đối nguồn lực, phân bổ nguồn vốn đầu tư cho phát triển giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu cho UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch tuyển sinh, đào tạo hàng năm cho các trường cao đẳng, trung cấp thuộc tỉnh quản lý; tham mưu, phân bổ nguồn lực đầu tư (nếu có) cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo... nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

4. Sở Tài chính

- Trên cơ sở dự toán của các đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch lập, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch theo khả năng cân đối và phân cấp ngân sách hiện hành.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan thẩm định, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý sử dụng kinh phí và thanh quyết toán kinh phí thực hiện các nội dung Kế hoạch.

5. Ban Dân tộc tỉnh: Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc tuyên truyền, kiểm tra, triển khai thực hiện các hoạt động về giáo dục nghề nghiệp tại địa bàn dân tộc thiểu số và miền núi; cụ thể hóa Kế hoạch vào Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc tuyên truyền, kiểm tra, triển khai thực hiện các hoạt động về giáo dục nghề nghiệp cho lao động nông thôn; cụ thể hóa Kế hoạch vào Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, đề xuất các chương trình, đề án, hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đối với giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo và cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch số 232/KH-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

8. Các sở, ngành và các cơ quan khác có liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ tuyên truyền, kiểm tra, triển khai việc thực hiện các nội dung có liên quan về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trong Kế hoạch.

9. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh: Tăng cường thời lượng, chất lượng tin bài tuyên truyền các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về giáo dục nghề nghiệp; tuyên truyền về các hoạt động giáo dục nghề nghiệp, phát triển kỹ năng, lao động việc làm; các điển hình tốt, mô hình mới, các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong thực hiện công tác giáo dục nghề nghiệp.

10. Đề nghị Tỉnh Đoàn Thái Nguyên: Thực hiện tuyên truyền cho thanh niên về vị trí, vai trò của giáo dục nghề nghiệp, tầm quan trọng của kỹ năng lao động và cơ hội có việc làm, thu nhập ổn định sau đào tạo nghề nghiệp.

11. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

- Tuyên truyền, phổ biến đến hội viên về nội dung Kế hoạch; hằng năm, đề xuất yêu cầu, nhu cầu về nhân lực có kỹ năng nghề đối với các loại hình doanh nghiệp.

- Huy động thành viên tích cực triển khai thực hiện Kế hoạch, tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, tham gia các chương trình, đề án, dự án phù hợp với mục tiêu của Kế hoạch; kêu gọi cộng đồng doanh nghiệp, người sử dụng lao động tham gia tích cực vào việc hỗ trợ nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động.

- Giám sát các hoạt động giáo dục nghề nghiệp, tư vấn và phản biện xã hội đối với các cơ chế, chính sách và phát triển giáo dục nghề nghiệp.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án để triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý; đồng thời bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước.

- Bảo đảm các điều kiện về ngân sách và cơ sở vật chất kỹ thuật cho Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trực thuộc để thực hiện nhiệm vụ giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên theo quy định của pháp luật.

- Thu hút các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập và ngoài công lập, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có đủ điều kiện tham gia đào tạo nghề nghiệp cho người lao động theo quy định. Chỉ đạo triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính và tổ chức đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên của huyện, thành phố; tổ chức kiểm tra hoạt động đào tạo nghề theo quy định của pháp luật.

- Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí đào tạo nghề theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Tuyên truyền, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình, dự án, nội dung hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn; báo cáo việc thực hiện Kế hoạch tại địa phương, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp, hiệu quả. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.